

Mời các bạn cùng tham khảo hướng dẫn giải bài tập Toán lớp 6 **Bài 30: Làm tròn và ước lượng** Kết Nối Tri Thức hay, ngắn gọn được chúng tôi chọn lọc và giới thiệu ngay dưới đây nhằm giúp các em học sinh tiếp thu kiến thức và củng cố bài học của mình trong quá trình học tập môn Toán.

Trả lời câu hỏi SGK Bài 30 Toán lớp 6 Kết Nối Tri Thức

Bài toán mở đầu trang 35 Toán lớp 6 Tập 2: Em có biết vì sao trong phần mở đầu đoạn tin bên, người ta lại viết "trên 232 triệu USD" thay vì viết "232,142 372 triệu USD"?

Tháng 7/2020 Việt Nam xuất khẩu gần 480 nghìn tấn gạo trị giá trên 232 triệu USD.

Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, xuất khẩu gạo của Việt Nam tháng 7 đạt 479 633 tấn, trị giá 232,142 372 triệu USD, giá xuất trung bình đạt 484 USD/tấn...

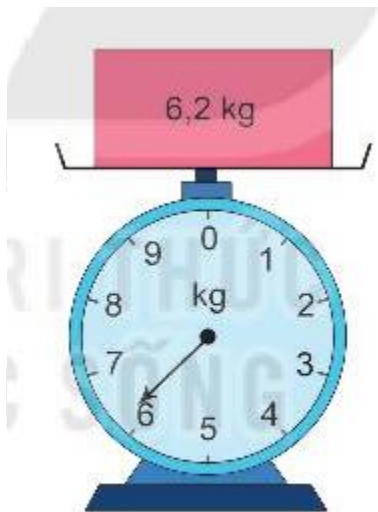
(Theo Agro.gov.vn)

Lời giải:

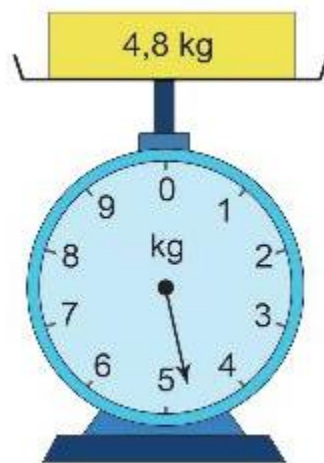
Ta thấy trị giá 232, 142 372 triệu USD là con số nếu viết chính xác sẽ khá khó đọc và dài dòng, con số đó lớn hơn 232 nên để thuận tiện người ta viết "trên 232 triệu USD" thay vì "232, 142 372 triệu USD".

Hoạt động trang 35 Toán lớp 6 Tập 2:

- Theo em, khối lượng của hộp màu hồng nặng khoảng 6 kg hay 7 kg?
- Khối lượng của hộp màu vàng nặng khoảng 4 kg hay 5 kg?



Hình 7.2a



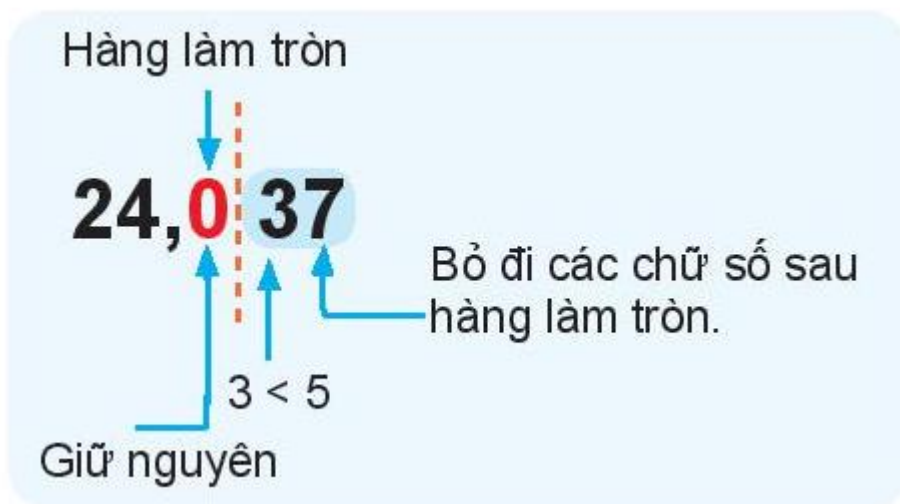
Hình 7.2b

Lời giải:

- a) Ta thấy cái kim trên đồng hồ hình 7.2a chỉ gần số 6 hơn số 7 nên khối lượng của hộp màu hồng nặng khoảng 6kg.
- b) Ta thấy cái kim trên đồng hồ hình 7.2b chỉ gần số 5 hơn số 4 nên khối lượng của hộp màu vàng nặng khoảng 5kg.

Câu hỏi trang 36 Toán lớp 6 Tập 2:

- a) Làm tròn 24,037 đến hàng phần mười ta được kết quả là 24,0.



Trong câu a, nếu viết kết quả làm tròn là 24 thì có đúng không?

Lời giải:

Trong câu a, nếu viết kết quả làm tròn là 24 không được vì số 24,037 làm tròn tới hàng phần mười, chữ số hàng làm tròn có nghĩa và không được bỏ đi.

Luyện Tập trang 36 Toán lớp 6 Tập 2: Làm tròn số 3,141 59 đến hàng phần nghìn.

Lời giải:

+) Bỏ đi các chữ số sau hàng phần nghìn: bỏ đi chữ số 5 và 9

+) Vì 5 lớn hơn hoặc bằng 5 nên chữ số 1 đứng trước nó tăng 1 đơn vị là 2

Do đó làm tròn số 3,141 59 tới hàng phần nghìn ta được kết quả là: 3,142.

Vận dụng 1 trang 36 Toán lớp 6 Tập 2: Em hãy đọc đoạn tin ngắn ở phần mở đầu rồi làm tròn số 479 633 đến hàng nghìn và làm tròn số 232,142 372 đến hàng đơn vị. So sánh hai kết quả với các số liệu trong tiêu đề của đoạn tin đó.

Tháng 7/2020 Việt Nam xuất khẩu gần 480 nghìn tấn gạo trị giá trên 232 triệu USD.

Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, xuất khẩu gạo của Việt Nam tháng 7 đạt 479 633 tấn, trị giá 232,142 372 triệu USD, giá xuất trung bình đạt 484 USD/tấn...

(Theo Agro.gov.vn)

Lời giải:

* Làm tròn số 479 633 tới hàng nghìn:

+) Thay các chữ số 6; 3; 3 bởi các chữ số 0

+) Vì $6 > 5$ nên 479 tăng 1 đơn vị là 480

Làm tròn số 479 633 tới hàng nghìn ta được kết quả là: 480 000

* Làm tròn số 232,142 372 đến hàng đơn vị:

+) Bỏ đi các chữ số sau hàng đơn vị là 1; 4; 2; 3; 7; 2 ở hàng thập phân

+) Vì $1 < 5$ nên chữ số hàng đơn vị là 2 được giữ nguyên.

Làm tròn số 232,142 372 đến hàng đơn vị ta được kết quả: 232

Nhận xét: Hai kết quả đó với các số liệu trong tiêu đề của đoạn tin đó đều giống nhau.

Vận dụng 2 trang 37 Toán lớp 6 Tập 2: Một xe hàng có khối lượng khi không chở hàng hoá là 12 tấn. Trên xe chở 9 thùng hàng, mỗi thùng có khối lượng là 1,3 tấn. Một cây cầu có biển chỉ dẫn cho phép các xe có khối lượng không quá 25 tấn đi qua. Hỏi xe hàng trên có được phép qua cầu không?



Lời giải:

Khối lượng của 9 thùng hàng trên xe là: $9 \cdot 1,3 = 11,7$ (tấn)

Tổng khối lượng của cả xe và hàng là:

$$11,7 + 12 = 23,7 \text{ (tấn)}$$

Mà $23,7 < 25$ nên xe hàng trên hoàn toàn được phép qua cầu.

Vậy xe hàng trên được phép qua cầu.

Giải bài tập SGK Toán 6 Kết Nối Tri Thức Bài 30

Bài 7.12 trang 37 Toán lớp 6 Tập 2: Làm tròn số 387,0094 đến hàng:

a) phần mười;

b) trăm.

Lời giải:

a) Làm tròn đến hàng phần mười:

+) Bỏ đi các chữ số sau hàng phần mười là các chữ số 0; 9; 4

+) Vì $0 < 5$ nên chữ số hàng phần mười là chữ số 0 giữ nguyên

Làm tròn 387,0094 tới hàng phần mười được kết quả là: 387,0

b) Làm tròn đến hàng trăm:

+) Bỏ đi các chữ số ở hàng thập phân là các chữ số 0; 9; 4

+) Thay các chữ số 8; 7 bởi chữ số 0

+) Vì $8 > 5$ nên hàng trăm thêm 1 đơn vị là 4

Làm tròn 387,0094 tới hàng trăm được kết quả là: 400.

Bài 7.13 trang 37 Toán lớp 6 Tập 2: Trong bốn số sau có một số là kết quả của phép tính $256,3 + 892,37 + 45$. Bằng cách ước lượng, em hãy cho biết số đó là số nào.

(A) 1 190,65

(B) 2 356,67

(C) 1 193,67

(D) 128,67

Lời giải:

+) Làm tròn 256,3 đến hàng đơn vị ta được kết quả là: 256

+) Làm tròn 892,37 đến hàng đơn vị ta được kết quả là: 892

Do vậy tổng cần tính xấp xỉ bằng:

$$\begin{aligned} 256 + 892 + 45 &= (255 + 1) + 892 + 45 = (255 + 45) + (1 + 892) \\ &= 300 + 893 = 1\,193 \end{aligned}$$

Trong bốn đáp án, (B) và (D) quá xa với 1 193 nên loại (B), (D).

Ta thấy 1 193 gần (C) hơn nên khả năng (C) đúng.

Chú ý rằng tổng các chữ số hàng phần trăm là 7 nên (A) sai

Đáp án cần chọn: C

Bài 7.14 trang 37 Toán lớp 6 Tập 2: Chia đều một thanh gỗ dài 6,32 m thành bốn đoạn bằng nhau. Tính độ dài mỗi đoạn gỗ (làm tròn kết quả đến hàng phần mười).

Lời giải:

Độ dài mỗi đoạn gỗ là:

$$6,32 : 4 = 1,58 \text{ (m)}$$

Làm tròn đến hàng phần mười ta được kết quả 1,6m

Vậy mỗi đoạn gỗ dài 1,6m.

Bài 7.15 trang 37 Toán lớp 6 Tập 2: Để đo khoảng cách giữa các hành tinh trong Hệ Mặt Trời, người ta sử dụng đơn vị thiên văn là AU (1 AU xấp xỉ bằng khoảng cách giữa Trái Đất và Mặt Trời, được tính chính xác là 149 597 870 700 m). Để dễ viết, dễ nhớ, người ta nói 1 AU bằng khoảng 150 triệu kilômét.

Nói như vậy nghĩa là ta đã làm tròn số liệu trên đến hàng nào?

Lời giải:

$$1 \text{ km} = 1\,000 \text{ mét}$$

$$150 \text{ triệu ki lô mét} = 150\,000\,000\,000 \text{ m}$$

Khi nói “1 AU bằng khoảng 150 triệu ki lô mét”.

Do đó 1 AU bằng khoảng 150 000 000 000 m.

Ta thấy các chữ số từ hàng trăm triệu trở xuống đã bị bỏ qua (thay bằng các chữ số 0) và như vậy số liệu đã được làm tròn đến hàng tỉ.

Nhưng người ta nói 1 AU bằng khoảng 150 triệu kilomet thì số liệu làm tròn đến hàng triệu.

Vậy người ta làm tròn số liệu đến hàng triệu.

Bài 7.16 trang 37 Toán lớp 6 Tập 2: Mẹ cho An 150 000 đồng để mua đồ dùng học tập. An dự định mua 15 quyển vở, 5 chiếc bút bi và 10 chiếc bút chì. Giá của một quyển vở, một chiếc bút bi, một chiếc bút chì lần lượt là 5 400 đồng, 2 800 đồng, 3 000 đồng. Em hãy ước lượng xem An có đủ tiền để mua đồ dùng học tập theo dự định không.

Lời giải:

Mỗi quyển vở có giá 5 400 đồng nên mỗi quyển vở có giá không quá 6 000 đồng do đó số tiền An mua vở không quá:

$$6\,000 \cdot 15 = 90\,000 \text{ (đồng)}$$

Mỗi bút bi giá 2 800 đồng nên mỗi bút bi giá không quá 3 000 đồng nên số tiền An mua bút bi không quá:

$$3\,000 \cdot 5 = 15\,000 \text{ (đồng)}$$

Số tiền An mua bút chì là:

$$3\,000 \cdot 10 = 30\,000 \text{ (đồng)}$$

Tổng số tiền An mua không quá:

$$90\,000 + 15\,000 + 30\,000 = 135\,000 \text{ (đồng)}$$

Do đó với 150 000 đồng mẹ cho An, An đã đủ mua số đồ dùng học tập đó.

►► **CLICK NGAY** vào **TẢI VỀ** dưới đây để download giải Giải bài tập Toán 6 **Bài 30: Làm tròn và ước lượng** Kết Nối Tri Thức ngắn gọn, hay nhất file pdf hoàn toàn miễn phí.

